



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Điện Lực Khánh Hòa

Ngày 30/09/2025	12,600 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	0%	4.1%	20.7%

DT thuần Q3/25
2,307
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 179 8.4%
YoY: ▲ 328 16.6%

LN thuần Q3/25
139
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 93.1 202%
YoY: ▲ 45.7 48.6%

LN sau thuế Q3/25
111
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 68.6 163%
YoY: ▲ 34.6 45.7%

Tỷ suất lãi EBIT Q3/25
6.4%
YoY: +/-▲ 3.5%

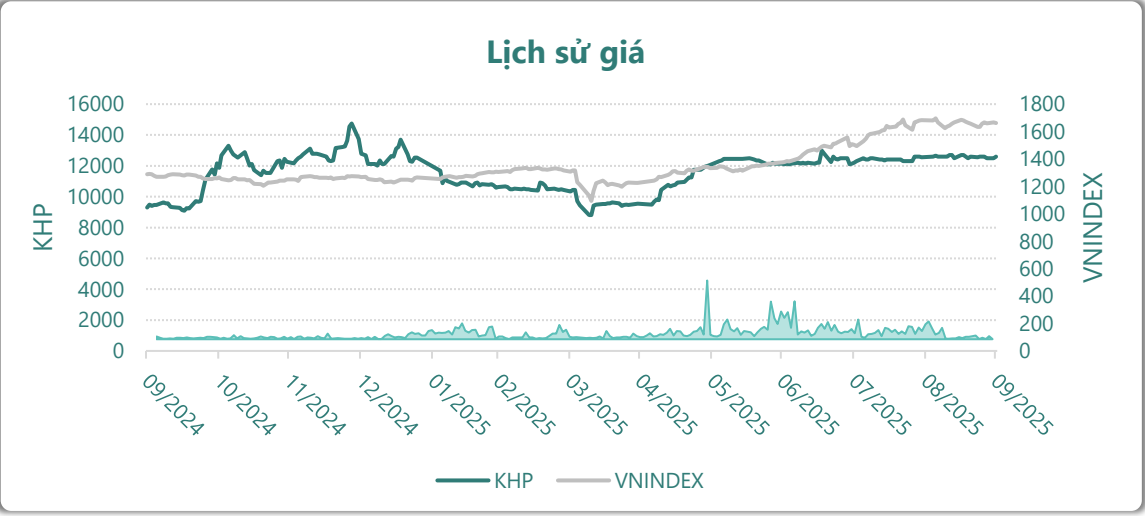
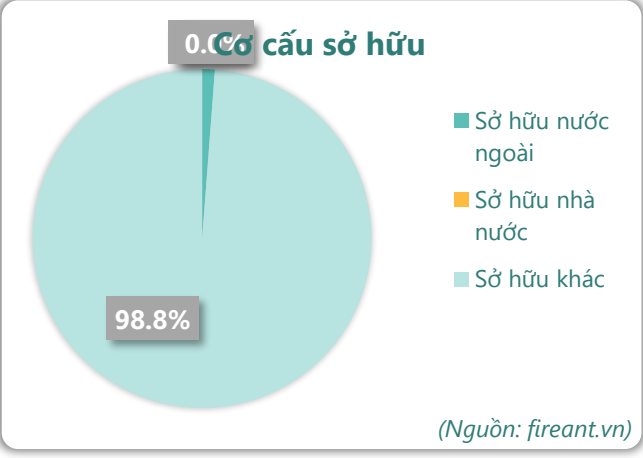
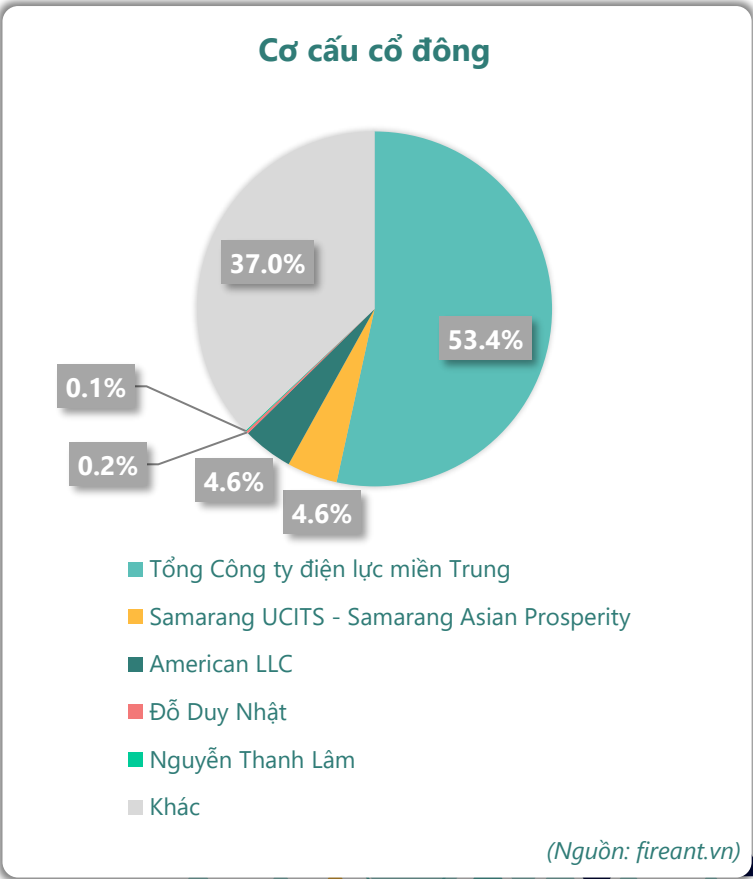
ROE (TTM) Q3/25
9.3%
YoY: +/-▲ 3.9%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	8,809 - 14,745
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	761
Số lượng CPLH (CP)	60,376,746
KLGD BQ 20 phiên (CP)	58,465
Sở hữu nước ngoài	1.2%
Beta	0.65
EPS	1,172
P/E	10.8

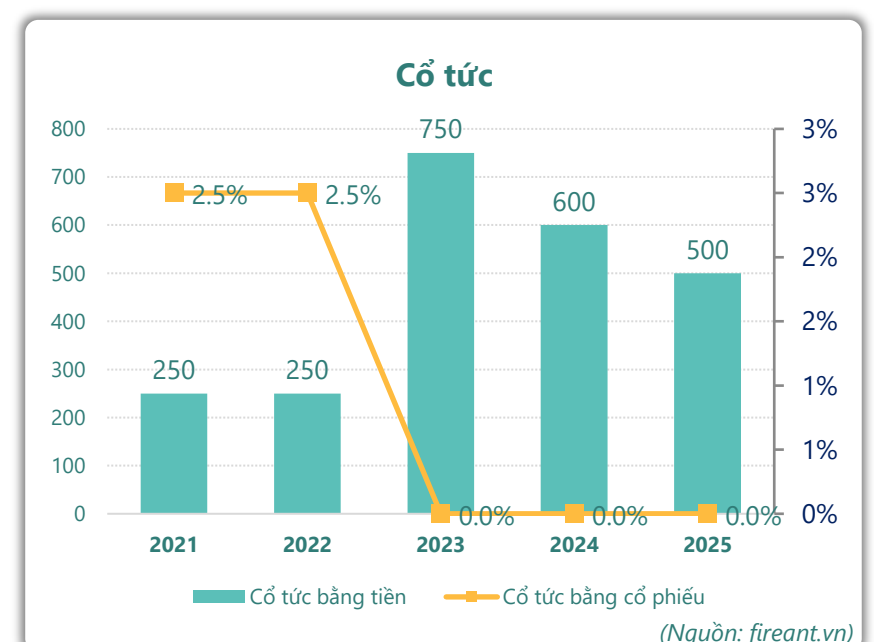
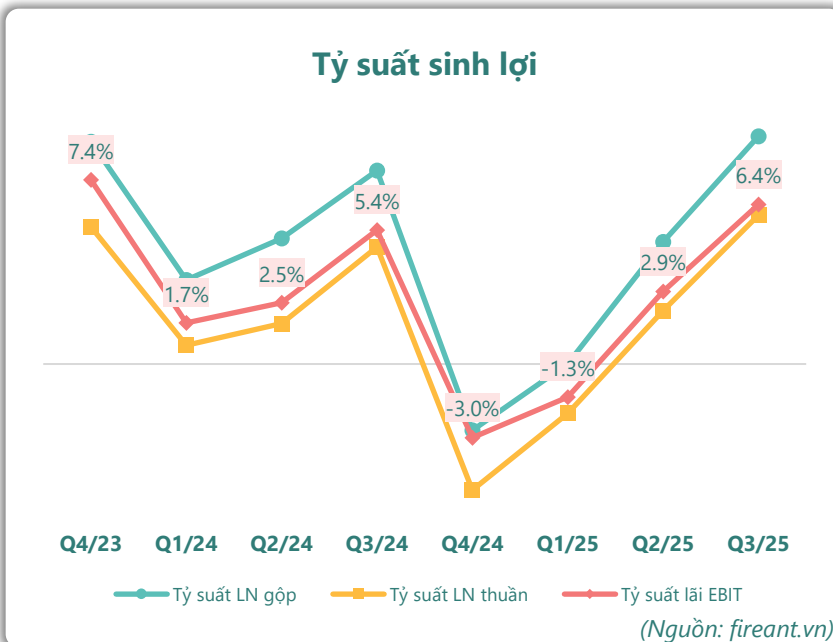
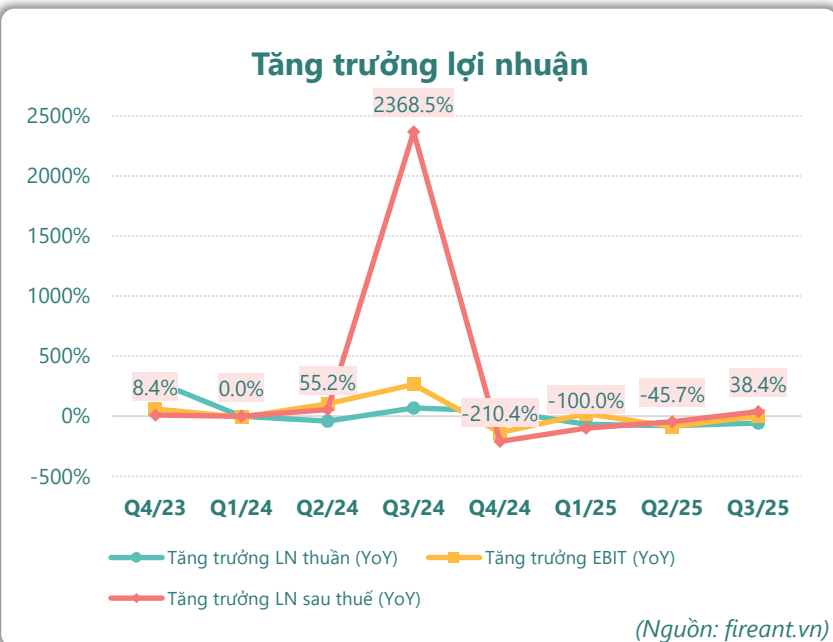
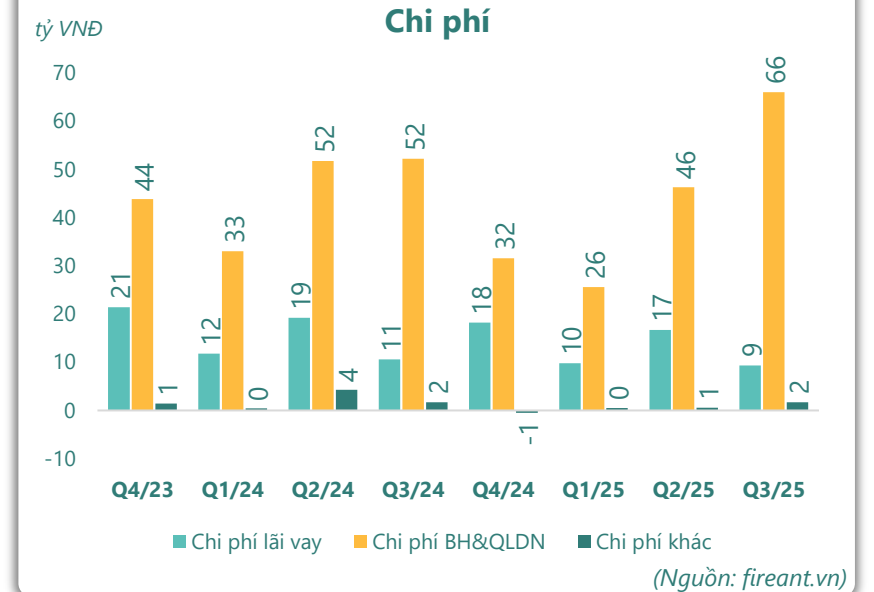
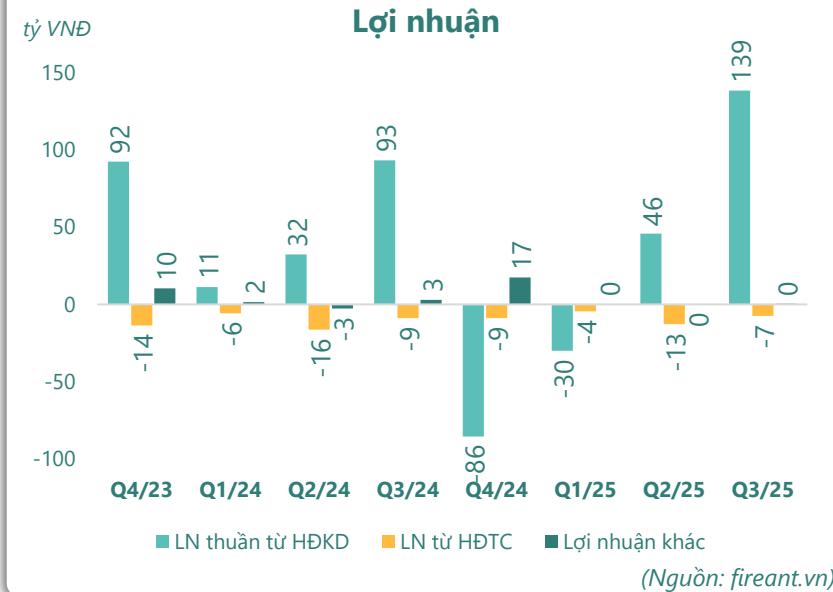
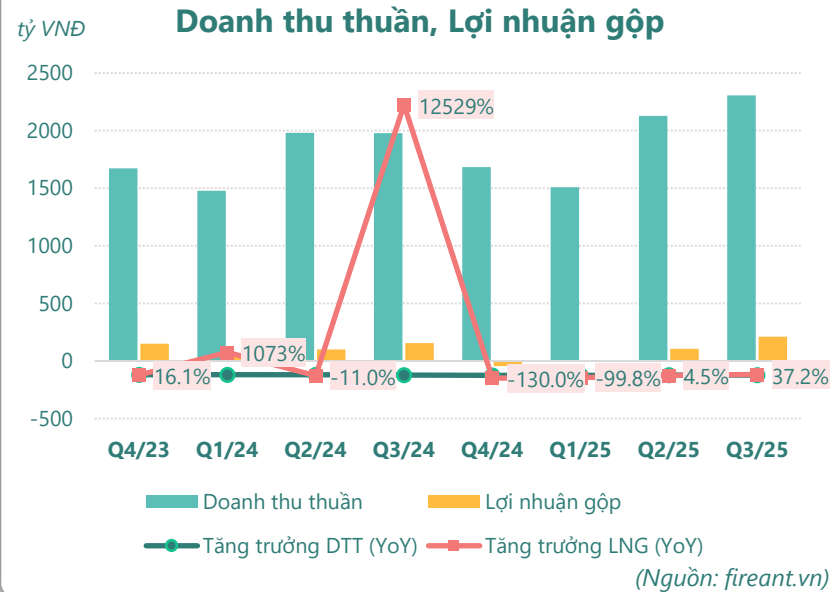
DT thuần 9T 2025
5,944
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 509 9.4%

LN thuần 9T 2025
154
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 17.0 12.8%

LN sau thuế 9T 2025
124
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 14.0 12.3%



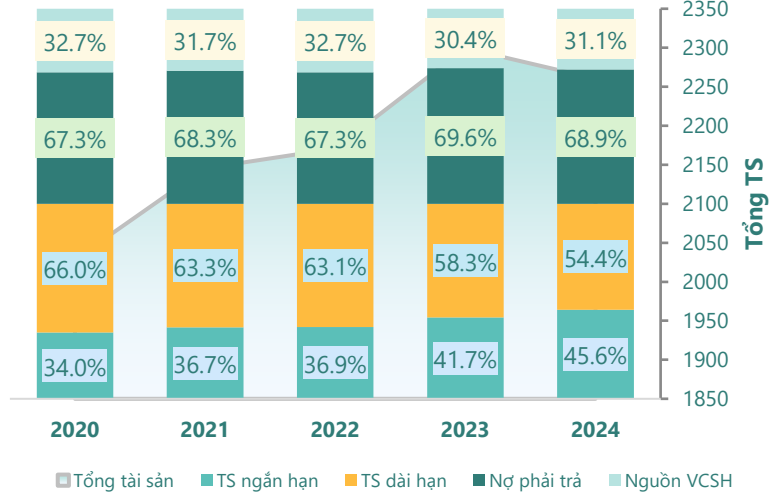
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

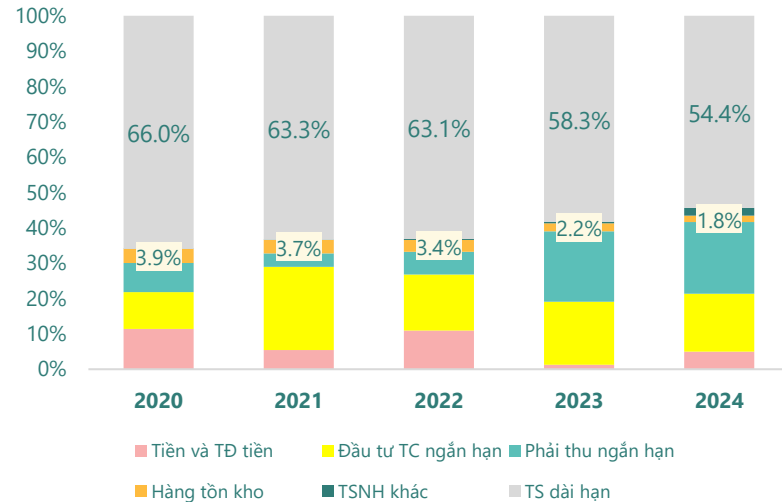
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

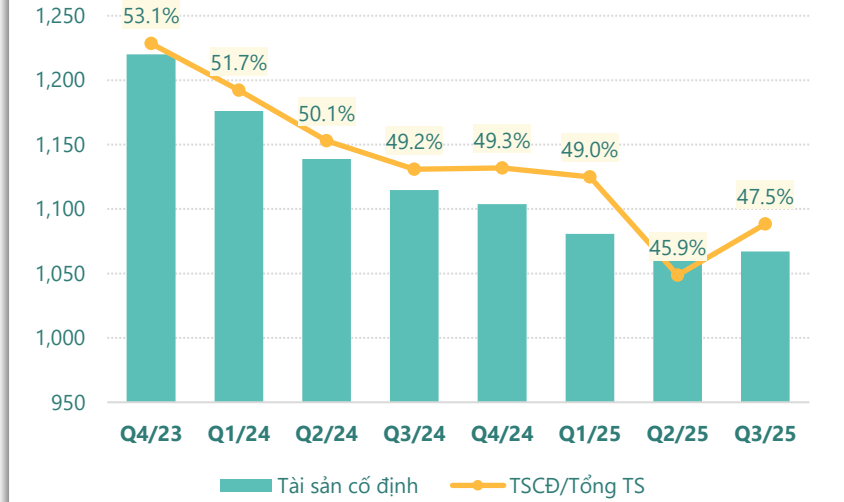
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

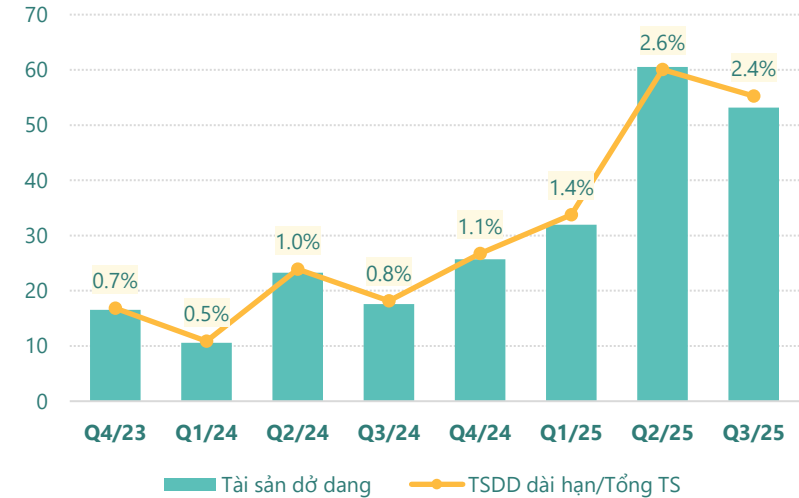
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

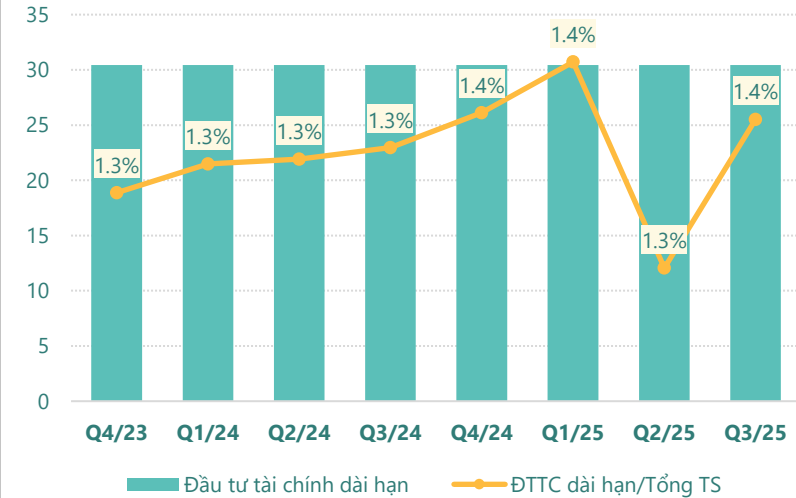
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

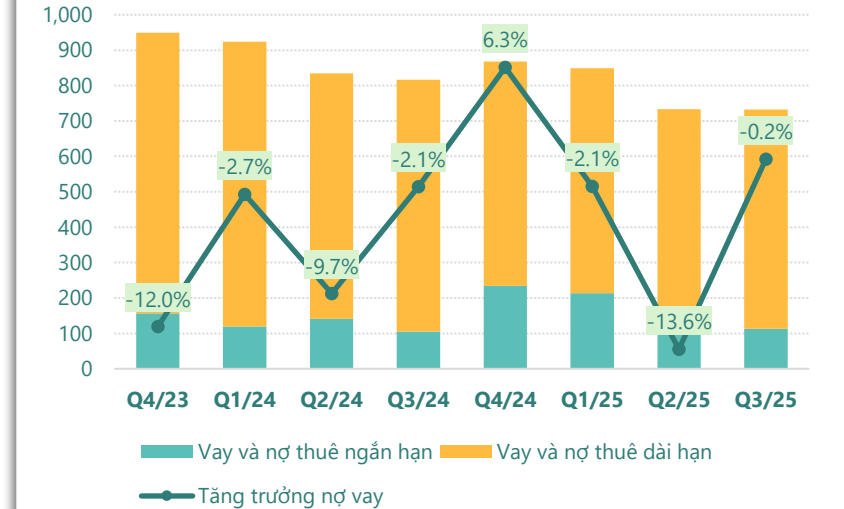
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

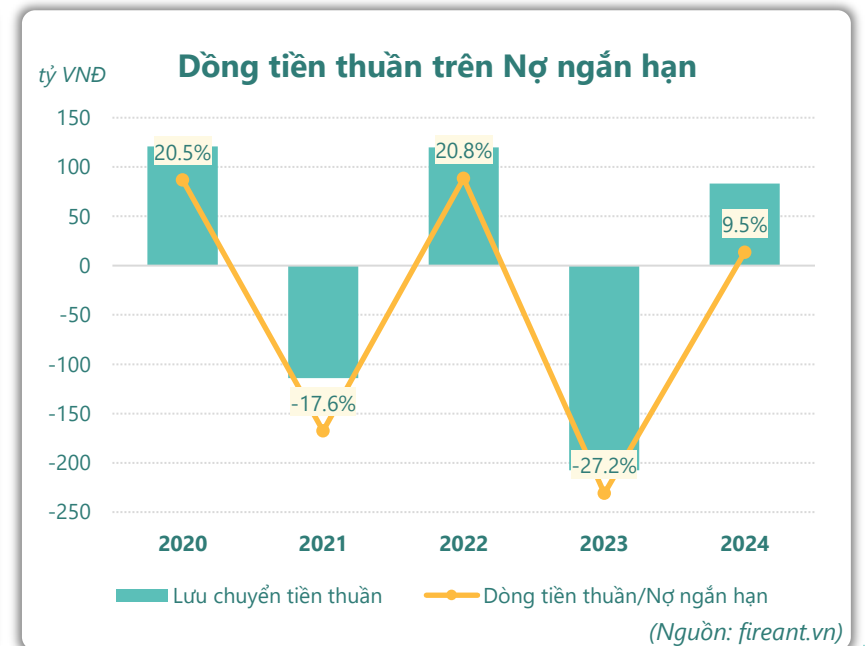
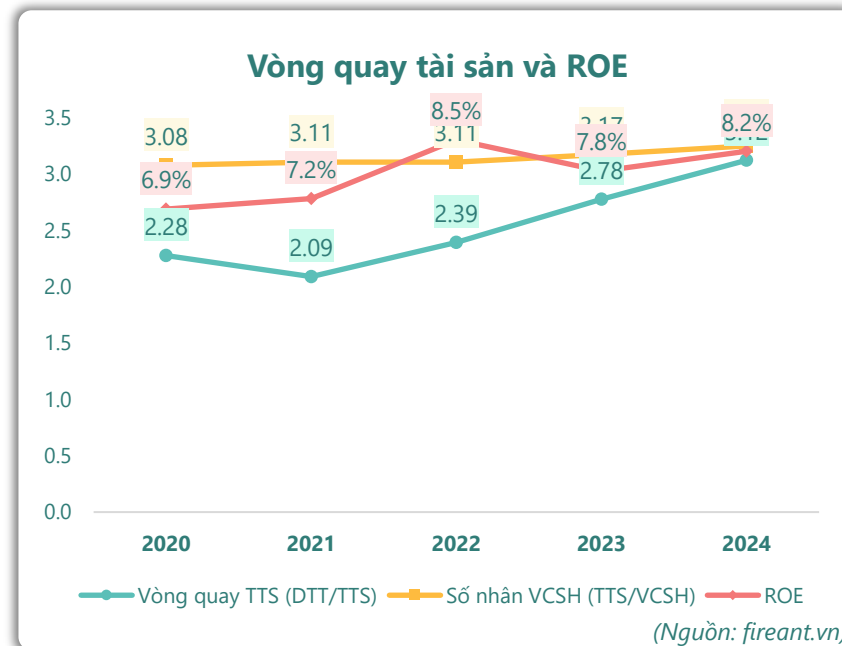
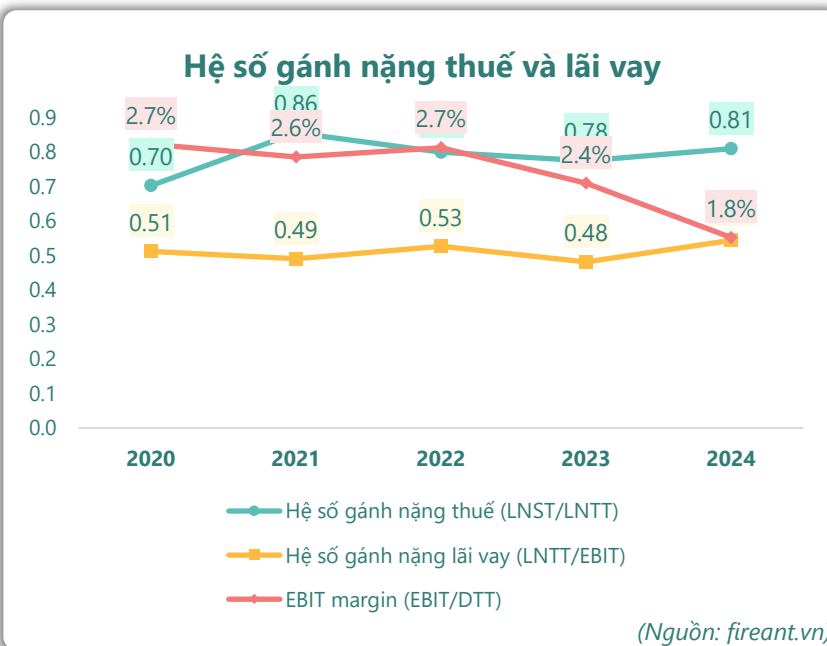
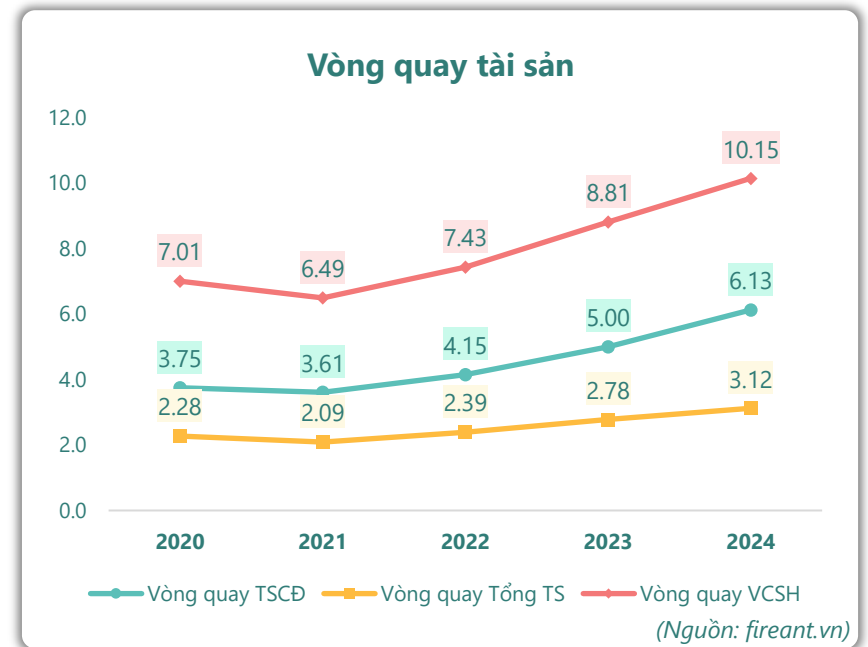
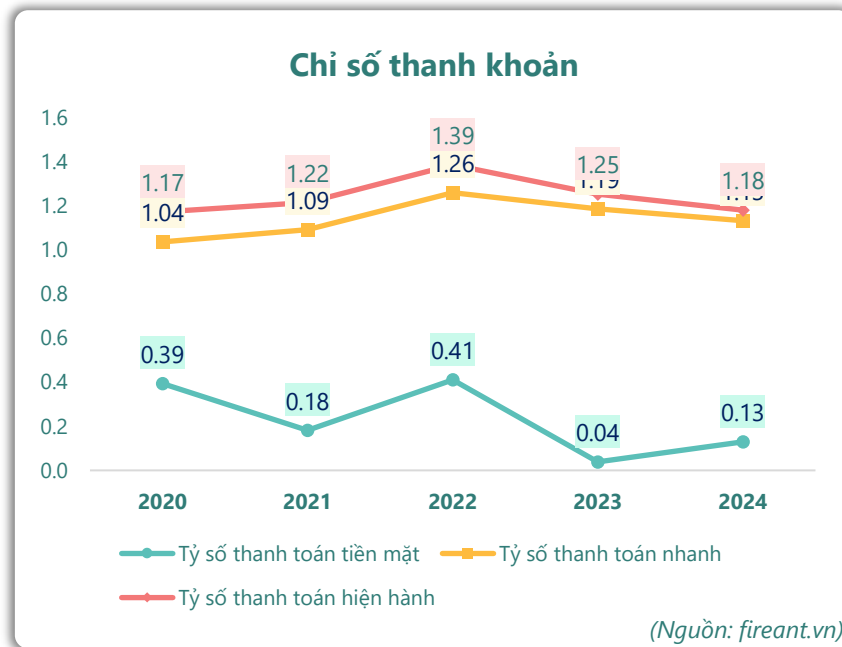
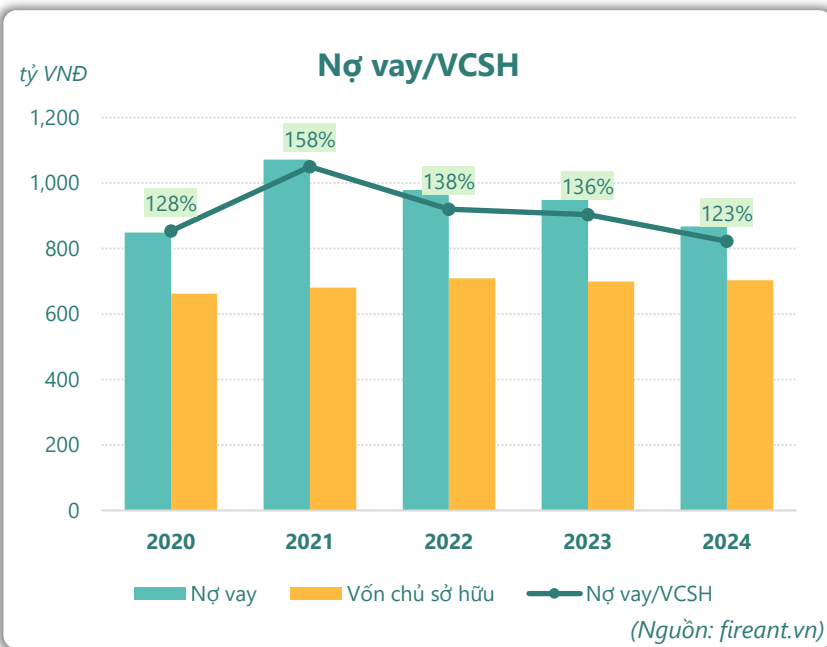
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	2,307	1,979	16.6%	5,944	5,435	9.4%
Giá vốn hàng bán	2,095	1,824	14.9%	5,627	5,130	9.7%
Lợi nhuận gộp	212	155	36.8%	317	305	4.0%
Doanh thu HĐTC	2.04	1.66	22.7%	12.3	12.2	0.7%
Chi phí TC	9.40	10.6	-11.3%	36.9	43.2	-14.6%
Chi phí lãi vay	9.35	10.6	-11.8%	35.8	41.5	-13.7%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	24.9	31.1	-19.8%	57.8	67.7	-14.7%
Chi phí QLDN	41.1	21.1	94.7%	80.2	69.2	15.8%
LN thuần từ HĐKD	139	93.3	48.6%	154	137	12.8%
Lợi nhuận khác	0.36	3.03	-88.2%	0.25	1.93	-86.9%
LN trước thuế	139	96.4	44.2%	155	139	11.5%
Lợi nhuận sau thuế	111	76.4	45.7%	124	110	12.3%
LNST của CĐ cty mẹ	111	76.4	45.7%	124	110	12.3%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	65.9	152	27.1	-43.6	200	6.22
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-31.2	-136	3.36	-36.0	-42.3	32.4
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-126	-17.8	51.3	-18.3	-147	-1.43
Tiền đầu kỳ	124	32.6	30.8	113	14.7	25.0
Lưu chuyển tiền thuần	-91.8	-1.80	81.7	-97.9	10.4	37.2
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	32.6	30.8	113	14.7	25.0	62.2

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	2,244	2,260	-0.7%
Tài sản ngắn hạn	1,030	1,031	-0.1%
Tiền và tương đương tiền	62.2	113	-44.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	270	370	-27.0%
Phải thu ngắn hạn	669	459	45.8%
Hàng tồn kho	28.9	41.8	-30.9%
Tài sản ngắn hạn khác	0.51	48.2	-98.9%
Tài sản dài hạn	1,214	1,229	-1.2%
Phải thu dài hạn	0.11	1.60	-93.4%
Tài sản cố định	1,067	1,104	-3.3%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	53.2	25.7	107%
Đầu tư tài chính dài hạn	30.4	30.4	0.0%
Tài sản dài hạn khác	63.6	67.8	-6.2%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,477	1,557	-5.2%
Nợ ngắn hạn	796	873	-8.8%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	113	234	-51.8%
Phải trả người bán ngắn hạn	304	465	-34.6%
Nợ dài hạn	680	684	-0.5%
Vay và nợ thuê dài hạn	619	633	-2.2%
Nguồn vốn chủ sở hữu	768	703	9.2%
Vốn chủ sở hữu	768	703	9.2%
Vốn điều lệ	604	604	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

